TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ BUÔN HỒ** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập –Tự do –Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2024/HNGĐ-ST
Ngày 22-4-2024
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BUÔN HỒ, TỈNH ĐẮK LẮK

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Khanh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Y Dhiểu Hmŏk và bà Nguyễn Thị Quỳnh Hải.

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà Trần Thị Tuyết Nga – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Bích Thuỷ - Kiểm sát viên.

Ngày 22/4/2024, tại Phòng xử án, Toà án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 242/2023/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2023 về *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 12/3/2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị U, sinh năm 1988 – vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Số X đường H, tổ dân phố Y, phường T, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.

Bị đơn: Anh Trần Ngọc Ph, sinh năm 1985 – vắng mặt.

Địa chỉ: Số X đường H, tổ dân phố Y, phường T, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Hoàng Thị U trình bày có nội dung: Chị và anh Trần Ngọc Ph tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau tại Uỷ ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Đồng Nai vào ngày 22/01/2016. Sau khi kết hôn được một thời gian thì giữa hai anh chị thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên xảy ra bất đồng quan điểm, xung đột lẫn nhau. Dần dần hai vợ chồng không còn tình cảm với nhau, hiện mâu thuẫn giữa chị và anh Ph không thể hàn gắn được. Vì vậy chị yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Ph.

Về con chung, chị và anh Ph có 02 người con chung là cháu Trần Ngọc B, sinh ngày 30/5/2016 và Trần Ngọc Bảo Q, sinh ngày 12/9/2020. Khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Trần Ngọc Bảo Q, sinh ngày 12/9/2020 và giao cháu Trần Ngọc B cho anh Ph trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ tuổi thành niên.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị không yêu cầu giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 13/12/2023, bị đơn anh Trần Ngọc Ph trình bày: Lý do anh không thể ký vào đơn ly hôn là vì chưa thoả thuận được phân chia tài sản và con cái. Nguyện vọng của anh nếu ly hôn thì con cái mỗi người nuôi một.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 13/12/2023, bị đơn anh Trần Ngọc Ph trình bày: Về quan hệ hôn hân, anh và bà Hoàng Thị U đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật trên cơ sở tự nguyện tại UBND xã P, huyện T, tỉnh Đồng Nai ngày 22/01/2016. Quá trình chung sống hai vợ chồng sống hạnh phúc. Lý do chị U yêu cầu giải quyết ly hôn với anh vì vợ anh cho rằng giữa hai người không có tiếng nói chung, quan điểm sống trái ngược nhau. Hiện tại, vợ chồng anh vẫn sống chung với nhau. Nay chị U yêu cầu Toà án giải quyết cho vợ chồng anh ly hôn thì hiện tại anh không đồng ý vì các lý do sau: Về tài sản, vợ chồng anh chưa thoả thuận phân chia được với nhau. Nếu hai bên thoả thuận được thì anh đồng ý ly hôn với chị U. Trường hợp hai bên không thoả thuận được việc phân chia tài sản thì anh sẽ có đơn yêu cầu chia tài sản chung sau. Anh cam kết trong thời gian 01 tháng kể từ ngày hôm nay (ngày 13/12/2023) nếu không thoả thuận được việc phân chia tài sản thì anh sẽ có đơn yêu cầu chia tài sản chung. Hết thời hạn trên, nếu anh không có đơn yêu cầu chia tài sản chung thì đề nghị Toà án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng anh có 02 người con chung là Trần Ngọc B, sinh ngày 30/5/2016 và Trần Ngọc Bảo Q, sinh ngày 12/9/2020. Trường hợp phải ly hôn thì anh có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Trần Ngọc B, sinh ngày 30/5/2016 và giao cháu Trần Ngọc Bảo Q, sinh ngày 12/9/2020 cho chị U trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ tuổi thành niên.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh và chị U tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 19/01/2024, ghi nhận ý kiến của cháu Trần Ngọc B, sinh ngày 30/5/2016 như sau: Việc cha mẹ cháu ly hôn, cháu không có ý kiến gì. Sau khi cha mẹ cháu ly hôn, nguyện vọng của cháu muốn được ở với cha là anh Trần Ngọc Ph.

Tại phiên tòa kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Hoàng Thị U về quan hệ hôn nhân, về con chung, cấp dưỡng nuôi con chung và tài sản.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp*: Đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ là đúng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về trình tự thủ tục tố tụng*: Nguyên đơn chị Hoàng Thị U có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn anh Trần Ngọc Ph đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là phù hợp khoản 1, 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Về yêu cầu của đương sự:*

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa chị U và anh Ph là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ, đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện tại UBND xã P, huyện T, tỉnh Đồng Nai ngày 21/01/2016. Sau khi kết hôn chị U và anh Ph sống hạnh phúc một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau, do bất đồng quan điểm sống, tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng.

Kết quả xác minh tại địa phương về tình trạng hôn nhân của vợ chồng chị U và anh Ph thì địa phương xác định: Quá trình chung sống giữa anh Ph và chị U có mâu thuẫn, ban tự quản tổ dân phố đã tiến hành hoà giải để anh Ph và chị U đoàn tụ, nhưng đến nay không hiểu vì lý do gì chị U nộp đơn ly hôn.

Như vậy, Hội đồng xét xử xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa chị U và anh Ph có xảy ra mâu thuẫn, đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, chị U có yêu cầu giải quyết cho vợ chồng chị được ly hôn'; việc anh Ph không đồng ý ly hôn lý do là vì hai bên chưa thống nhất được việc phân chia tài sản. Do đó việc giải quyết cho chị U ly hôn anh Ph là phù hợp với khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4.2] Về con chung: Quá trình chung sống, chị U và anh Ph có 02 người con chung là Trần Ngọc B, sinh ngày 30/5/2016 và Trần Ngọc Bảo Q, sinh ngày 12/9/2020. Khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Trần Ngọc Bảo Q, sinh ngày 12/9/2020 và giao cháu Trần Ngọc B cho anh Ph trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ tuổi thành niên. Hội đồng xét xử thấy rằng: Yêu cầu giải quyết về con chung của chị U là phù hợp với ý kiến của anh Ph và nguyện vọng của cháu Trần Ngọc B. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy, giao cho chị U được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Trần Ngọc Bảo Q, sinh ngày 12/9/2020 và giao cháu Trần Ngọc B cho anh Ph trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các con chung đủ tuổi thành niên là phù hợp Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị U và anh Ph không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4.4] Về tài sản: Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn không yêu cầu giải quyết; bị đơn anh Trần Ngọc Ph có ý kiến: Trường hợp hai bên không thoả thuận được việc phân chia tài sản thì anh sẽ có đơn yêu cầu chia tài sản chung sau. Anh cam kết trong thời gian 01 tháng kể từ ngày hôm nay (ngày 13/12/2023) nếu không thoả thuận được việc phân chia tài sản thì anh sẽ có đơn yêu cầu chia tài sản chung. Hết thời hạn trên, nếu anh không có đơn yêu cầu chia tài sản chung thì đề nghị Toà án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Hết thời hạn trên, bị đơn không có đơn yêu cầu phân chia tài sản chung của hai vợ chồng. Do đó, Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét giải quyết. Yêu cầu này sẽ được giải quyết thành vụ án khác khi các đương sự có đơn yêu cầu.

[5] Xét quan điểm của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: Nguyên đơn chị Hoàng Thị U phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm là phù hợp với Điều 144, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 144; Điều 147; khoản 1, 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Hoàng Thị U.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị U được ly hôn với anh Trần Ngọc Ph.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Trần Ngọc Bảo Q, sinh ngày 12/9/2020 cho chị Hoàng Thị U trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; và giao cháu Trần Ngọc B, sinh ngày 30/5/2016 cho anh Trần Ngọc Ph trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các con chung đủ tuổi thành niên.

Anh Trần Ngọc Ph và chị Hoàng Thị U có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Hoàng Thị U và anh Trần Ngọc Ph không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Hoàng Thị U và anh Trần Ngọc Ph không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Nguyên đơn chị Hoàng Thị U phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0018808 ngày 25/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Buôn Hồ.

6. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

7. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 của Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND thị xã Buôn Hồ;
- CCTHADS thị xã B;
- UBND phường T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án; VP Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Bùi Văn Khanh